TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/DSTC-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v Tranh chấp về Hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Ơn, ông Nguyễn Văn Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2018 về tranh chấp "Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam**

Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc Thắng - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết T - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Điện Biên (theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án và Quyết định số 30a/QĐ-NHCS ngày 09/5/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đ về việc ủy quyền và tham gia tố tụng và thi hành án) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Minh A** - sinh năm 1990

Địa chỉ: Bản N (đội 15), xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Hiện tạm trú tại: Số nhà 02, tổ 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/7/2018 và trong quá trình giải quyết người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày:

Ngày 07/7/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đ đã phê duyệt và cho bà Hoàng Thị Minh A là thành viên tổ Tiết kiệm và vay vốn đội 18A, xã T, huyện Đ vay tiền chương trình cho vay: Hộ cận nghèo tại khế ước vay vốn số 6600000704945279: Số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay (0,78%/tháng), thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn theo hợp đồng là 05/7/2020; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ mỗi lần là 6.000.000 đồng.

Tuy nhiên bà A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo định kỳ; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở trả nợ nhưng đến ngày 19/7/2018 bà A mới trả số tiền lãi từ khi vay đến ngày trả là: 5.695.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Qua kiểm tra rà soát và theo dõi, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ phát hiện khách hàng Hoàng Thị Minh A đã cung cấp thông tin sai sự thật khi xin vay vốn, đó là: Bà A không phải thành viên tổ Tiết kiệm và vay vốn đội 18A, xã T, huyện Đ và cũng không cư trú tại đây; bà A có hộ khẩu thường trú và cư trú ở: Bản N (đội 15), xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Để được vay vốn của Ngân hàng theo chương trình cho vay: hộ cận nghèo, bà A đã cung cấp thông tin sai sự thật về nơi cư trú, gây khó khăn cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ và lãi phát sinh - vi phạm nghĩa vụ của người vay vốn quy định tại điểm a khoản 3.2 Điều 3 quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong Sổ vay vốn. Vì vậy căn cứ vào quyền của bên cho vay quy định tại điểm b khoản 2.1 Điều 2 trong Sổ vay vốn, Ngân hàng CSXH Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thu hồi nợ trước hạn đối với hộ vay vốn Hoàng Thị Minh A, số tiền dư nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Đối với khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Ngân hàng yêu cầu bà A phải có nghĩa vụ trả theo mức lãi ghi trong hợp đồng là 0,66%/tháng.

Tại văn bản trả lời ngày 07/8/2018 , đơn đề nghị ngày 11/10/2018 và tại các Giấy xác nhận nhận văn bản tố tụng bị đơn là bà Hoàng Thị Minh A trình bày:

Gia đình bà A cư trú tại bản N, xã T, huyện Đ. Do hoàn cảnh khó khăn, bản thân bà A là nhân viên y tế của Trung tâm y tế huyện Đ mức lương thấp, có một con gái bị khiếm thị, chồng làm tự do thu nhập không ổn định nên bà A đã nhờ Tổ trưởng tổ vay vốn xã T, huyện Đ đưa tên vào danh sách vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, bà A đã được vay 30 triệu đồng để mua con giống cải thiện kinh tế, nhưng do chăn nuôi thất bại nên bà A đã chậm thực hiện nhiều kỳ trả nợ, Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần và bà A đã trả hết số tiền lãi từ thời điểm vay đến ngày 19/7/2018, số tiền gốc còn lại là 30 triệu đồng Ngân hàng yêu cầu thu hồi trước thời hạn, bà A đề nghị Tòa án xem xét, thương lượng với đại diện Ngân hàng để gia hạn thêm thời hạn trả nợ. Bà A chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng về việc đòi nợ

trước hạn và việc tính tiền lãi suất, mức lãi suất và lãi suất chậm thi hành. Hiện bà A đang học ở xa không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án nên bà A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định; Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng; tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự hợp lệ, đúng thời hạn; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời hạn, đầy đủ tài liệu. HĐXX đảm bảo đúng thành phần, điều khiển phiên tòa đảm bảo trình tự quy định tại chương XIV của BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện và chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 357, 463, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà A phải trả cho NHCSXH Việt Nam thông qua Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Đ số tiền nợ gốc: 30.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (23/11/2018) là 820.374 đồng. Tổng số tiền bà A phải trả cho NHCSXH là 30.820.374 đồng.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (0,78%/tháng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Căn cứ Điều 147, BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà A phải chịu 1.541.018 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về dân sự thuộc trường hợp "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú và làm việc tại huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quyền khởi kiện: Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là: Ngân hàng CSXH) khởi kiện đòi tiền để thu hồi vốn cho Nhà nước thuộc trường hợp có quyền khởi kiện quy định tại Điều 186 và Khoản 4 Điều 187 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/7/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ phê duyệt và cho bà Hoàng Thị Minh A vay 30.000.000 đồng tại khế ước vay vốn số 6600000704945279, hạn trả nợ cuối cùng là 05/7/2020. Mặc dù chưa hết thời hạn trả nợ theo hợp đồng vay vốn, nhưng do bà A vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ngân hàng CSXH đòi nợ trước hạn, do đó nguyên đơn khởi kiện là đảm bảo thời hiệu thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[1.4] Thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn từ chối hòa giải và xin vắng mặt tại các phiên họp, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Ngày 07/7/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đ thuộc Ngân hàng CSXH Việt Nam đã căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (chương trình cho vay: hộ cận nghèo) của bà Hoàng Thị Minh A ngày 24/6/2015 và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn do UBND xã T, huyện Đ lập ngày 24/6/2015 phê duyệt và cho bà Hoàng Thị Minh A vay số tiền 30.000.000 đồng, tại khế ước vay vốn số 6600000704945279, lãi suất 0,66%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất quá hạn là 130% của mức lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng là 05/7/2020; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ mỗi lần là 6.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện, bà A không trả tiền gốc và lãi theo kỳ hạn đã ký kết với Ngân hàng, qua nhiều lần nhắc nhở, thông báo, thúc nợ bà A mới trả số tiền lãi từ khi vay đến ngày 19/7/2018 là: 5.695.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Minh A thừa nhận: để được vay vốn chương trình hộ cận nghèo của Ngân hàng CSXH, bà A đã cung cấp thông tin sai sự thật, đó là: từ trước đến nay nơi cư trú của bà A ở bản N (đội 15), xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, bà A không phải thành viên của Tổ tiết kiệm và vay vốn đội 18, xã T, huyện Đ, nhưng để được vay vốn của Ngân hàng CSXH bà A đã nhờ ông Lò Văn S - Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn đội 18, xã T, huyện Đ đưa tên bà A vào danh sách vay vốn hộ cận nghèo. Qua thu thập chứng cứ thể hiện, ông Lò Văn S đã chết năm 2016 nên không xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án.

Như vậy, bà A đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tiền quy định tại điểm a khoản 3.2 Điều 3 Sổ vay vốn do Ngân hàng CSXH Việt Nam phát hành là: *"Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp..."*.

Ngân hàng CSXH Việt Nam đòi nợ trước hạn đối với bà A là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2.1 Điều 2 Sổ vay vốn do Ngân hàng CSXH Việt Nam phát hành: *"Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích"* và Khoản 1 Điều 95 Luật

các Tổ chức tín dụng năm 2010: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*".

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, buộc bà Hoàng Thị Minh A phải trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

[2.2] Về tiền lãi suất:

Bà Hoàng Thị Minh A đã thực hiện việc trả tiền lãi từ ngày vay đến ngày 19/7/2018 là: 5.695.000 đồng. Ngân hàng CSXH yêu cầu bà A phải trả toàn bộ số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 19/7/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất ghi trong khế ước là 0,66%/tháng.

Xét thấy, mặc dù trong đơn khởi kiện Ngân hàng CSXH chỉ yêu cầu đòi số tiền nợ gốc là 30 triệu đồng, tuy nhiên trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện của Ngân hàng CSXH yêu cầu bà A phải trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 19/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,66%/tháng, Tòa án đã thông báo cho bà A nội dung này; tại Giấy xác nhận nhận văn bản tố tụng ngày 02/11/2018 bà A có ý kiến "đồng ý và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng". Do đó, yêu cầu khởi kiện bổ sung về tiền lãi suất được giải quyết trong vụ án này.

Yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà A phải trả tiền lãi suất phát sinh là phù hợp với nghĩa vụ trả lãi suất được ghi trong khế ước vay vốn đã ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đ và bà Hoàng Thị Minh A, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà A phải trả cho Ngân hàng CSXH tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/11/2018) là: 820.374 đồng (tám trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng).

[2.3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ:

Quá trình giải quyết, Người đại diện của nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thi hành là 0,66%/tháng nếu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Ý kiến của bà A tại Giấy xác nhận nhận văn bản tố tụng ngày 02/11/2018 là "hoàn toàn đồng ý với mức lãi suất là 0,66%/tháng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng". Tuy nhiên, tại phiên tòa Người đại diện của nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thi hành theo khế ước vay vốn được ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đ và bà Hoàng Thị Minh A là 130% mức lãi cho vay (tương đương 0,78%/tháng).

Hội đồng xét xử xét thấy, về lãi suất chậm thi hành cần thực hiện theo thỏa thuận trong khế ước vay vốn, như thế mới đảm bảo quyền lợi của bên cho vay; đồng thời cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của ChA án Tòa án nhân dân Tối cao như sau:

"Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định: "Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người

phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án" cũng là không đúng. Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

[3] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí:

Nguyên đơn là Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện để thu hồi nợ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Hoàng Thị Minh A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% đối với tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là: 30.820.374 đồng x 5% = 1.541.018 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm mười tám đồng) theo quy định tại Khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 463, Khoản 3 Điều 465, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 91, Khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của ChA án Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bà Hoàng Thị Minh A phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đ, tỉnh Điện Biên) tổng số tiền là: **30.820.374 đồng** (*ba mươi triệu tám trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng*), trong đó gồm:

- Tiền nợ gốc là: 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* theo khế ước vay vốn số 6600000704945279 ngày 07/7/2015 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Điện Biên với bà Hoàng Thị Minh A;

- Tiền lãi suất từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (23/11/2018) là: 820.374 đồng *(tám trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng).*

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Hoàng Thị Minh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (130% mức lãi suất cho vay, tức là 0,78%/tháng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí: Hoàng Thị Minh A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.541.018 đồng *(một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm mười tám đồng)*.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/11/2018).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hoà